

Họ và tên: Lớp:

Toán 1 – Bài 4: So sánh số

Bài 1. Viết dấu so sánh thích hợp.

a) Kí hiệu của “lớn hơn”: ...

b) Dấu “bằng”: ...

c) Kí hiệu của “bé hơn”: ...

Bài 2. Điền “đúng” hoặc “sai” vào chỗ trống.

a) $2 > 10$

b) $6 < 0$

c) $0 < 4$

d) $3 = 3$

e) $10 > 7$

f) $7 = 5$

g) $5 = 5$

h) $8 < 3$

Bài 3. Điền dấu $>$ hoặc $<$ vào chỗ trống.

a) $1...8$

b) $5...4$

c) $0...10$

d) $9...10$

e) $2...5$

f) $10...3$

g) $9...2$

h) $6...2$

Bài 4. Điền số duy nhất trong nhóm đã cho vào chỗ trống để tạo phép so sánh đúng:

a) 8, 6, 5

b) 4, 10, 5

c) 0, 1, 6

d) 0, 9, 3



Bài 5. Điền “lớn hơn”, “bé hơn” hoặc “bằng” vào chỗ trống.

a) $10 ... 10$

b) $0 ... 0$

c) $9 ... 1$

d) $2 ... 9$

e) $7 ... 3$

f) $0 ... 1$

g) $4 ... 3$

h) $4 ... 7$

Bài 6. Điền số bé nhất trong mỗi nhóm số sau.

a) 6, 9, 2: ...

b) 0, 7, 8: ...

c) 6, 7, 0: ...

d) 6, 2, 8: ...

Bài 7. Điền “đúng” hoặc “sai” vào chỗ trống.

- a) $1 < 4$ b) $2 > 9$ c) $1 = 1$ d) $9 = 6$
e) $9 < 2$ f) $4 < 8$ g) $8 > 4$ h) $0 > 6$

Bài 8. Điền số thích hợp vào ô trống để các so sánh đều đúng.

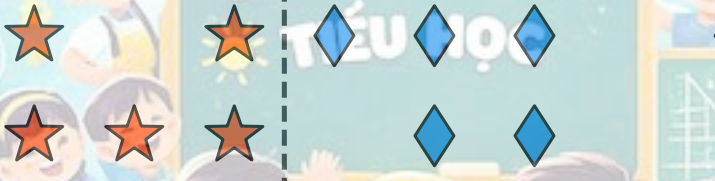
- a) $2 < \dots < 4$ b) $4 < \dots < 6$
c) $7 < \dots < 9$ d) $6 < \dots < 8$

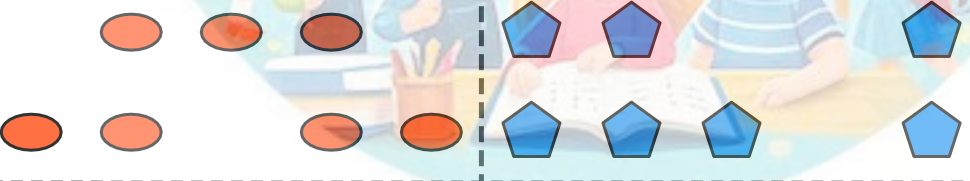
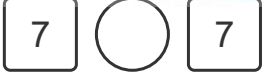
Bài 9. Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn.

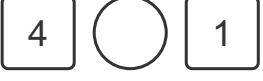
- a) 0, 1, 7, 8: b) 6, 7, 3, 5:
c) 4, 8, 9, 6: d) 0, 2, 8, 3:

Bài 10. Quan sát từng hình, đếm số hình ở mỗi nhóm rồi điền dấu $>$, $<$, $=$ vào ô trống.

a)  

b)  

c)  

d)  

---HẾT---